

**Lịch Sử Đức Phật Tổ Cô Đàm  
Maha Thongkham Medhivong**

**THIÊN THỨ NHỨT  
CHUYÊN PHÁP LUÂN**

-ooOoo-

Sáng ngày mười bốn tháng sáu Âm lịch năm Dậu, đức Thế Tôn ngự đi khát thực về thọ thực xong. Ngài mới ngự đi vườn Lộc Giả để thuyết pháp độ năm vị Kiều Trần Như. Ngài phải ngự đi bộ mười tám do tuần. Chư Phật lúc quá khứ, khi ngự đi thuyết pháp lần đầu tiên đều dùng thần thông bay đi, chỉ có đức Thế Tôn của chúng ta hiện tại ngự đi bộ; vì Ngài trông thấy duyên lành của một người ngoại đạo tên Upakāṣivaka nên Ngài nghĩ rằng: Nếu Như Lai dùng thần thông bay thì người ngoại đạo này sẽ không được gặp Như Lai; để tìm hiểu giáo pháp của Như Lai, thì sau này sẽ không có duyên lành để xuất gia đúng theo Chánh pháp; thôi ta cần gì phải bay đi, đi bộ cũng được. Ta mà thực hành Ba la mật cũng vì thương hại chúng sanh.

Khi ấy Ngài đang ngự đi với hào quang sáu màu sáng tỏ. Người ngoại đạo tên Upakāṣivaka trông thấy tướng mạo và hào quang của đức Thế Tôn lấy làm lạ, phân vân không biết chư Thiên hay Phạm Thiên hoặc chi chi, nên kính cẩn đến gần, lễ phép hỏi: "Thầy, lục căn của thầy thanh tịnh, trong người của thầy có hào quang sáu màu chiếu sáng. Thầy tên chi? Xuất gia với ai? Ai là Thầy của thầy?"

- Nay Upakāṣivaka, tâm của Như Lai không còn ham mê trong trần cảnh, dứt bỏ tất cả các ác pháp, không còn ái dục và chấp ngã uẩn. Ta là người cao cả hơn tất cả chúng sanh trong Tam giới, tự ta đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có ai làm thầy Như Lai. Như Lai là đấng có mười hồng danh của Chư Thiên và Phạm Thiên ca tụng. Nay Như Lai ngự đến vườn Lộc Giả Chuyên pháp luân, đánh trống pháp cho chúng sanh thức tỉnh trong giấc mộng vô minh để thấy rõ các pháp.

Khi Upakāṣivaka nghe vậy mới nghĩ rằng: Thầy Sa môn này nói giọng rất thanh tao, thân hình thật đẹp. Thầy mới phát tâm trong sạch nói rằng: "Thật thầy là người có nhiều công đức tự mình giác ngộ. Vậy thầy là người đáng được tôn là ANANTAJINA (có nghĩa là thăng hóa đến nơi cùng tốt). Thầy là bậc cao cả hơn tất cả chúng sanh.

Đức Thế Tôn muốn cho thầy vun trồng thêm niềm tin nên Ngài mới dạy thêm rằng: Nay Upakāṣivaka, những người hết phiền não trong thế gian này là người thăng hóa trong mọi nơi. Không còn một nhân vật nào bằng Như Lai. Vì vậy Như Lai cũng đáng có tên là ANANTAJINA như người đã tặng.

Thầy ngoại đạo ấy nghe thế liền tán thưởng và nói: "Thật đúng như vậy, thật đúng như vậy". Rồi bỏ đi.

*Chiều ngày rằm tháng sáu Âm lịch năm Dậu.*

Năm thầy Kiều Trần Như tắm xong ngồi đàm đạo với nhau. Khi ấy lại nhớ đến đức Thế Tôn mới nói với nhau rằng: "Này các bạn, sau khi chúng ta bỏ đi, không biết thầy Sa môn Cô Đàm ở nơi nào, giờ đây đang ngồi ở đâu và làm gì, không biết Ngài có nghĩ nhớ đến chúng ta chăng?"

Nói vừa dứt lời thì đức Thế Tôn cũng vừa ngự đến với hào quang sáng ngời. Năm thầy trông thấy hào quang sáng ngời rực rỡ lấy làm lạ và kinh sợ. Mỗi ông ngó một hướng coi ánh sáng ấy từ đâu đến. Có một ông thấy trước nên mới gọi các vị kia rằng: "Các bạn ơi, thầy Sa môn Cô Đàm đi tìm ta. Ngài đã bỏ sự hành đạo tinh tấn, đi khát thực ăn, khác thường nhiều lắm thì làm sao đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được? Chắc ông ở một mình buồn nên tìm đến chúng ta, vậy chúng ta đừng tiếp rước ông. Nếu ông ta thích nơi nào thì ngồi nơi ấy".

Tuy cả năm vị đồng ý với nhau. Nhưng khi đức Thế Tôn ngự đến thì các ông không thể ngồi yên được vì oai đức của đức Thế Tôn và các ông lảng xãng, ông thì tiếp bát, ông thì múc nước rửa chân. Khi đức Thế Tôn an vị xong, năm thầy mới hỏi: "Này thầy Cô Đàm, thầy mạnh giỏi chứ? Đi khát thực cũng được đầy đủ chứ?".

Khi nghe các vị ấy gọi tên tộc của Ngài như vậy, Ngài mới dạy rằng: "Này các thầy, các thầy không nên gọi Như Lai như vậy, vì Như Lai đã đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi. Vậy các thầy hãy nghiêng tai thính pháp. Như Lai sẽ giải sự vô sanh bất diệt là Niết bàn, các thầy hành theo lời của Như Lai thì sẽ được hưởng hương vị của quả vô sanh bất diệt là Đại Niết Bàn".

Mặc dầu đức Thế Tôn dạy như thế; các thầy cũng vẫn gọi tộc của Ngài. Đức Thế Tôn mới dạy rằng:

Này các thầy, các thầy hãy nhớ lại coi, từ trước tới nay, Như Lai từng nói với các thầy như thế này bao giờ chưa? Vậy các thầy hãy lắng tai nghe thính pháp.

Khi ấy các thầy không dám gọi ngay tộc của Ngài nữa. Nên Ngài mới bắt đầu thuyết bài pháp đầu tiên là Chuyển Pháp Luân.

Nơi đây tôi xin nhắc sơ lược bài kinh Chuyển Pháp Luân. Quý vị muốn xem rõ xin xem trong quyển kinh tụng của Đại Đức Hộ Tông dịch nguyên văn.

Trong bài chuyển pháp luân tóm lại đức Phật dạy: Không nên hành theo hai điều thái hóa. Nên hành theo Trung Đạo. Sau ấy là pháp Tứ Diệu Đế. Nhân tiện đây, tôi xin cống hiến quý vị pháp Tứ Diệu Đế theo chú giải và Phật ngôn hầu quý vị tiện bề nghiên cứu. Tôi có ý định giải pháp này từ lâu nhưng chưa có dịp.

Đức Thế Tôn được gọi là bậc Chánh đẳng Chánh giác là nhờ nơi Ngài giác ngộ được Tứ Diệu Đế. Và Tứ Diệu Đế là pháp mà ngoài ra đức Đại Giác ngộ không ai hiểu thấu.

ARIYA SACCA là Phạn ngữ ta dịch là Tứ Diệu Đế. Trước hết ta nên hiểu qua tiếng nói ARIYA SACCA. ARIYA có nghĩa là Cao quý hay Thánh. SACCA có nghĩa là Thật.

ARIYASACCA có nghĩa là Thật Cao quý. Hay Sự cao quý của bậc Thánh hơn, vì phàm hơn mà thông hiểu và thấu đáo các pháp ấy tức nhiên không còn luân hồi nữa. Trở thành Thánh.

Tiếng nói ARIYASACCA, Sự Thật Cao Quý ấy có hai ý nghĩa là:

1. ARIYASACCA. Thật cao quý mẫu nhiệm. Ý nói sự thật của bốn pháp ấy thật là cao sâu mẫu nhiệm người còn phiền não không bao giờ nhận định

được.

2. ARIYASACCA. Thật cao quý mầu nhiệm. Ý nói khi người thông đạt được ý nghĩa cao sâu mầu nhiệm của bốn pháp ấy thì người ấy trở nên bậc vĩ nhân cao quý tuyệt đối trong cõi sa bà này.

Xin giải thêm ý của câu thứ nhất. Tứ Diệu Đế là sự thật cao quý ý nói pháp ấy có đầy đủ nguyên nhân cao quý mầu nhiệm ví như kim cương có sự quý riêng của nó là phẩm chất đẹp quý có giá trị thật cao ai ai cũng ưa chuộng. Nó không phải là vật mà có ngày kia phải thay đổi màu sắc hay phẩm của nó. Thời gian và không gian không bao giờ làm giảm giá của nó. Không phải như những vật khác vì thời gian mà làm giảm mất giá của nó vì cũ.

Câu thứ nhì: Câu này có một ít làm cho ta phân vân hoài nghi vì nó làm cho người trở nên cao quý. Vì vậy tôi (soạn giả) xin đặt ra câu hỏi và trả lời để làm rõ lý ra cho quý vì dễ hiểu hơn.

Vấn: Tại sao Tứ Diệu Đế làm cho người trở nên cao quý?

Đáp: Ý câu này nói rằng: Khi nào người hiểu và thật hành triệt để theo pháp Tứ Diệu Đế, tâm của người ấy sẽ thay đổi từ chỗ còn ham mê thích thú trong Tam giới trở nên người không còn mến tiếc ham muốn gì trong Tam giới mặc dầu là Ngũ uẩn này.

Vấn: Ta chỉ biết rằng: Đây Khô, Tập, Diệt, Đạo như thế ta cũng trở thành cao quý sao?

Đáp: Người hiểu đây Khô Tập Diệt Đạo như ông nói nhưng không thật hành theo thì không có ích chi hết. Cũng như con kết biết nói tiếng người nhưng chính nó không biết rõ nghĩa, nếu có biết chăng chỉ biết sơ như vậy thôi. Vì vậy không làm cho người ấy trở nên cao quý.

Sở dĩ nói rằng: Làm cho người cao quý là vì khi người ấy học hiểu xong pháp Tứ Diệu Đế rồi lại sáng triệt để thật hành theo bước đầu tiên là làm cho người tuần tự dứt bỏ phiền não cho đến khi hoàn toàn trong sạch phiền não không còn khổ, Trí tuệ thấy thật sự khổ, nhân sanh khổ, diệt được khổ, và pháp hành diệt khổ, hay là con đường đi đến nơi không còn khổ nữa.

Người hiểu thấu rõ rệt như thế nghĩa là người thấy bằng Tuệ nhãn hay cũng gọi là Pháp nhãn. Người ấy trở nên người cao thượng vì người ấy không còn làm tội lỗi và còn trở lại luân hồi nữa.

Sự hiểu Tứ Diệu Đế có định nghĩa rõ rệt, người hiểu và thực hành đúng theo mới đắc được và mới gọi là cao quý.

Hiểu như chúng ta không khác nào cái hiểu của trẻ còn bé chỉ biết vâng lời chớ không hiểu giá trị của vàng và không biết dùng vàng để làm gì cho có ích.

Dưới đây là định luật của người mà gọi là hiểu rõ Tứ Diệu Đế.

Khô, Tập, Diệt, Đạo mỗi điều chia làm ba giai đoạn khác nhau mà người cần phải hiểu ba giai đoạn này gọi là Ba Luân. Ba Luân nhân cho bốn điều Khô, Tập, Diệt, Đạo ra mười hai điều gọi là mười hai Thế. Đây là định luật mà người hiểu Diệu Đế thật sự đều hiểu rõ rệt.

Người hiểu Khô có Ba Luân là:

1. Sự khổ có thật.
2. Nên biết rõ khổ.
3. Khổ mà người ấy đã thấy rõ rồi.

Người hiểu Tập có Ba Luân như vậy.

- 1/ Ái dục là nhân làm cho sanh khổ thật.
- 2/ Nên hiểu rõ mặt của ái dục.
- 3/ Ái dục là người đã thấy rõ rồi,

Người hiểu Diệt có Ba Luân là:

- 1) Diệt có thật.
- 2) Nên hiểu rõ Diệt.
- 3) Diệt mà người đã hiểu rõ rồi.

Người hiểu rõ Đạo có Ba Luân là:

- 1/ Đạo có thật.
- 2/ Nên hiểu rõ Đạo.
- 3/ Đạo mà người để hiểu rõ, đầy đủ rồi.

Điều nên chú ý là:

Sự hiểu rõ pháp Tứ Diệu Đế có khác hơn sự hiểu thường. Vì cái hiểu của pháp Tứ Diệu Đế còn cần phải hành theo chín chắn là diệt trừ phiền não, và biết rõ rằng: Trong tâm không còn tí phiền não nào cả.

Ví như người bệnh biết chính mình đang thọ bệnh và biết:

- 1) Đây là thuốc.
- 2) Đây là thuốc chữa bệnh của ta đang bệnh.
- 3) Đã uống thuốc ấy và nhờ thuốc ấy mà bệnh tình cũng đang thuyên giảm từ từ, và chắc rằng: Sẽ đến nơi lành mạnh.

Người bệnh này ví như chúng sanh đầy phiền não đang bị đau khổ trong biển luân hồi, người này lại học được pháp Tứ Đế, hành theo pháp ấy, và cũng nhờ vậy mà từ từ diệt được phiền não như người uống thuốc bệnh thuyên giảm lần lần, rồi mạnh hẳn, nghĩa là giải thoát hẳn.

## **KHỔ**

Trong pháp Tứ Diệu Đế pháp mà đức Đại Giác đặt trước nhất là Khổ. Khi vừa nghe qua tiếng Khổ thì không ai lấy làm lạ. Vì ai ai cũng đều có nếm qua mùi vị của khổ không ít thì nhiều. Người sanh ra trong đời không ai không khổ mặc dầu là vị Trưởng giả hay nhà vua. Nếu ta hỏi lại ai ai cũng biết đời là khổ thậm chí có người bảo: Khi đứa bé sơ sanh khóc ra tiếng là Khô a, Khô a. Nhưng người ấy hiểu như thế nào có đấng được đạo quả gì. Vì người ấy chỉ hiểu cái vỏ bên ngoài của khổ, hay biết khổ mà không thật hành để diệt trừ khổ. Người hiểu khổ như thế khác hơn cái hiểu bằng trí tuệ của đức Giác Ngộ một trời một vực cái hiểu của con người là hiểu bằng thức tánh. Còn cái hiểu của các bậc Thánh hơn bằng tuệ. Chúng sanh biết khổ nhưng chưa biết phương pháp tránh khổ hay diệt khổ. Trái lại càng làm nhiều khổ. Cũng như người cầm ngọn đuốc chạy ngược gió bị lửa tấp vào mặt nóng la khóc than van nhưng lại không bỏ ngọn đuốc ấy vì sợ mất ánh sáng tại hại ấy. Ánh sáng của ngọn đuốc ấy tôi xin ví như Tài, Sắc, Lợi, Danh, hay là thất tình lục dục.

Còn các bậc Thánh nhơn nhưt là đấng Giác Ngộ biết Khổ, biết nguyên nhân sanh Khổ, và biết nguyên nhân diệt Khổ.

Ví như hai nhân vật người bệnh và vị bác sĩ. Người bệnh chỉ biết rằng: Ta đang bị bệnh hành hạ nhưt khổ; nhưng không biết làm sao hết bệnh. Còn vị bác sĩ biết nguyên nhân phát sanh bệnh. Biết cách ngăn ngừa bệnh ấy và hơn nữa có thuốc và biết cách trị dứt bệnh ấy nữa. Vì hai sự hiểu biết khác nhau như thế ấy nên vị bác sĩ và người bệnh khác nhau. Người bệnh khi lâm bệnh chỉ còn chờ chết và chưa chết phải chịu khổ ví chúng bệnh ấy. Đây chính là chúng sanh tuy biết khổ nhưng không có phương pháp nào làm sao để giải thoát khỏi khổ.

Đoạn trên nhắc cho quý vị thấy rằng: Sự hiểu biết của chúng sanh và của Thánh nhơn khác nhau chỗ biết bằng trí tuệ, và biết bằng sự nhận thức của thức tánh. Vì chúng sanh biết khổ bằng thức tánh nên không giải thoát được, Các bậc Thánh nhơn hiểu biết bằng tuệ giác nên có phương pháp giải thoát được. Nhưng ví dụ tôi đem lại đoạn trên để quý ngài hiểu rõ thêm sự hiểu biết khổ hay hiểu khổ có khác hơn sự Giác Ngộ khổ.

Bài pháp đầu tiên của đức Đại Giác là bài DHAMMACAKKAPPA VATTANASUTTA nghĩa là CHUYỀN PHÁP LUÂN. Trong ấy đại khái như đã nói trên. Nơi đây tôi xin giải pháp Tứ Diệu Đế.

Trong Tứ Diệu Đế pháp thứ nhất gọi là KHỔ. Trong cái khổ này có thể chia ra làm hai phần là:

1) SABHÀVADUKKHA. Khổ có từ khi có ta và cái khổ này là khổ theo dính bên ta không bao giờ xa ta. Mà hiện nay các bậc trí thức hay chánh phủ đang diệt khổ ấy, nhưng chắc chắn là không được. Khổ ấy trong bài Chuyền pháp luân đức Thế Tôn có dạy rằng: Idam kho pana bhikkhave dukkham ariyasaccam. Đây các thầy Tỷ khưu, đây là khổ thật sự là:

- 1/ JATIPI DUKKHÀ. Sanh khổ.
- 2/ JARÀPI DUKKHÀ. Lão khổ.
- 3/ MARANAMPI DUKKHAM. Tử khổ.

2) Điều thứ nhì gọi là PAKINNAKADUKKHA. Khổ phụ thuộc hay có thể gọi là Khổ đến sau. Là:

- 1/ SOKA. Buồn rầu, thất vọng.
- 2/ PARIDEVA. Than van.
- 3/ DUKKHA. Khổ khổ.
- 4/ DOMANASSA. Uất ức, phiền phức.
- 5/ UPÀYÀSÀPI DUKKHÀ. Tâm nóng nảy xôn xang.
- 6/ AYAMPI SAMPAYOGO DUKKHO. Gặp những sự việc mà mình không ưa thích là khổ.
- 7/ PIYEHE VIPPAYOGO DUKKHO. Bị xa lìa những nhân vật thương yêu mến tiếc.
- 8/ YAMPICCHAM NA LAPATI TAMPI DUKKHAM. Sự yêu mến mà không được gần là khổ.

Khổ tóm lại có một là:

SANKHITENA PANCUPÀDÀNAK-KHANDHÀ DUKKHÀ Nói tóm lại sự chấp lầy Ngũ uẩn này là khổ.

Theo bài kinh Chuyển Pháp Luân cho ta thấy rằng: Đức Thế Tôn chia khổ ra làm hai phần là khổ thật sự và khổ mới đến sau này. Sau khi dạy xong hai khổ ấy, Ngài lại còn tóm lại một lần nữa cho chúng ta thấy rõ phiền não làm cho khổ nên Ngài dạy rằng: Chung qui là vì người còn chấp lấy Ngũ uẩn nên khổ.

Nếu tôi giải ti mi của khổ tôi tin rằng chỉ chiếm lấy giây và làm cho quý vị chán coi thôi, vì vậy tôi nên nói tóm lại là khổ là nền tảng của đời sống là cái khổ thật sự. Còn những cái khổ tới sau là những cái khổ khi mà người đã có thân này rồi.

Khổ đến sau có chỗ Phật gọi là Agantukadukkha Khổ khách quan. Khổ này quý vị đã hiểu nhiều xin miễn giải.

Khổ thật sự nghĩa là khổ ấy theo dính liền với ta bắt đầu từ khi ta thọ sanh vào lòng mẹ. Theo lời dạy trong bài kinh Chuyển Pháp Luân thì khổ này có ba là:

1. JÀTI DUKKA. Sanh khổ.
2. JARÀ DUKKHA. Già khổ.
3. MARANA DUKKHA. Tử khổ.

Theo chúng ta thường nghe và biết rằng: Sanh, Lão, Bệnh, Tử là bốn cái khổ thật sự. Nhưng trong Phạm ngữ không kể khổ đau vì khổ đau là khổ đến khi sanh, hay khi trong lòng mẹ, nhưng khi đau phải do một lý do nào chứ không phải như già và chết, vì già từng giờ từng phút của thời gian qua. Còn đau lâu lâu mới đến một lần chứ không phải từng giờ từng phút như già. Sau này chú giải mới nói thêm đau vào và vì quen miệng nên nói già đau chết. Chớ thật sự trong bài Chuyển Pháp Luân thì không nói đến đau là khổ thật sự.

### ***Giải ba cái khổ thật sự:***

#### **JÀTI : SANH**

Sanh đây ý nói bắt đầu sanh vào lòng mẹ. Xin nhắc lại quý vị là khổ Sanh đây chỉ là người sanh vào lòng mẹ chớ không nói cái khổ của bà mẹ sanh.

Sanh khổ ấy chia là ba thời kỳ là:

- 1) Khổ khi còn trong bụng mẹ.
- 2) Khổ khi sanh ra.
- 3) Khổ do nơi Sanh, nghĩa là khi sanh có thân này là có già đau chết và những cái khổ đến sau nữa.

Vạn vật trong vũ trụ này kể cả thân hình ta đều do nơi sự phối hợp của tứ đại. Nhưng những đồ vật dùng lâu người ta gọi là cũ. Nhưng thân hình ta không gọi là cũ mà gọi là già mặc dầu là hai tiếng phát âm khác nhau nhưng cùng một ý nghĩa là tới chỗ hư hoại.

Vạn vật trong vũ trụ có khác nhau về hình thức màu sắc v.v... nhưng cùng một thể là già, cũ rồi tiêu hoại.

Nên trong chú giải có câu hỏi: Thân hình ta đây bắt đầu già từ bao giờ?

Đáp: Theo lời Phật dạy và người đời hiểu cái già có hai lối khác nhau là:

- 1) Người đời thường hiểu cái già là khi bắt đầu vào 60, 70 hay 80 tuổi mới gọi là già. Vì người đời khi ấy mới thấy rõ sự thay đổi của hình dáng bên ngoài.

2) Về phương diện đạo đức thì trái lại là thân này thay đổi từng sát na, nghĩa là một sát na qua thì thân này đã già rồi và vạn vật trong đời và người đều thay đổi mà chính bản thân của người cũng không biết sự thay đổi ấy, nên chỉ không biết mình đã già. Chỉ có khác là cái già không thực hiện và cái già thực hiện rõ rệt thôi.

Đức Thế Tôn có dạy già ấy có thể chia làm ba phần là:

1) APPATICCHANNAJARÀ. Già không hiện rõ. Nghĩa là người đời trông thấy đứa bé càng ngày càng lớn thân hình tráng kiện đó là do nơi sự thay đổi mọi vật trong châu thân chính là già nhưng đời thường cho đó là sự lớn của con người, nhưng người có biết đâu khi qua mỗi sát na là người đã già vì cái già này không hiện ra rõ rệt để người ngó thấy, nên ai ai cũng ưa thích và hãnh diện trong buổi nầy. Và đây cũng là một lý do chỉ cho ta thấy rằng người chưa thấy được pháp Tứ Diệu Đế.

Nếu quý vị để ý và muốn biết thì hỏi các nhà nghiên cứu về vi trùng học thì quý ngài ấy sẽ cho quý vị biết rằng những vi trùng và những hạt máu trong châu thân ta đều thay đổi từ sát na m?t. Còn đức Phật thì dạy các tế bào của ta thay đổi và chết đi rồi những cái khác thay vào.

2) PARIJINA. Già làm cho thân này có phần thay đổi người có thể nhận thấy được. Ý nói khi được bốn hay năm hoặc sáu mươi tuổi người thấy có thay đổi một vài bộ phận rõ rệt làm cho ta thấy cái thay đổi ấy, chừng đó mới chịu gọi là già. Có lắm người còn muốn giấu cái già bằng cách nhuộm tóc lại v.v..

3) PARIPAKKA. Già khú ý nói già đến đời không làm gì được. Chính bản thân mình cũng không kiểm soát được mình, như tay run, chân không nhắc nổi để đi v.v..

Người đời khi thấy người già khú ấy mới nhận thức là già khổ. Vì người già tới độ ấy chỉ còn đợi từ thân đến đem đi thôi chớ không làm gì được nữa.

Hiện giờ nếu nói đến già thật là khó hiểu nổi, chỉ còn có hỏi các cụ thì mới biết cái già khổ như thế nào. Riêng tôi mới năm mươi tuổi, chỉ thấy tóc bạc, ngoài ra chưa thấy gì hơn, vì mắt cận thị từ lâu. Nhưng tôi thấy ngày kia không xa tôi không còn dùng thân tứ đại nầy vào đâu được, nên chỉ hiện thời tôi cố tiện tận từng giờ phút một để làm việc lợi ích cho mình ngày vị lai.

Già còn có thể chia ra làm hai phần là:

1) Già làm giảm sức mạnh của cơ thể. Ý nói chúng ta ai cũng có phận sự rất nặng trên vai, mà càng lớn phận sự ấy càng chông chát nặng thêm lên mãi mãi. Như khi ta còn nhỏ học lớp nhỏ không khó lắm, càng lớn càng học cao thì cái khó chông thêm mãi. Đến khi lớn lên phải sanh sống không thể nhờ nơi cha mẹ, gia đình mãi được, thì phận sự càng nặng. Ta có những cái khổ nhưt mà không thể tránh khỏi là già, đau, chết, khi có vợ, vợ ta cũng có cái già đau chết như ta, đã một thân mà còn nặng trĩu phương chỉ lại thêm một thân nữa như ta, mà có lẽ còn nặng hơn nữa là nếu gặp bà vợ đòi thêm son, phấn, quần áo đẹp, hay hột xoàn, vàng vòng v.v.. Thì quý vị nghĩ nó nặng tới đ? nào. Khi có thêm một đứa con thì cái lo thêm nữa, đến hai, ba, bốn đứa thì cái nặng càng gấp bội. Nhưng khổ nổi khi gánh càng nặng tuổi thọ lại càng nhiều nghĩa là đã già và cộng thêm vào bệnh hoạn thường đến với tuổi già. Già giảm sức nơi đây ta có thể ví

dụ như một chiếc xe hơi. Khi còn mới ít hư và đẹp, chạy mạnh mau. Nhưng khi dùng nhiều ngày chờ quá nặng chạy đi xa, thì nó lại mau hư, khi đã cũ rồi lại càng hư liền liền, như thân này khi càng già càng bệnh thường hơn.

2) Già đem sự bệnh hoạn lại. Ý nói rằng: Khi cái già đã đến thì không bao giờ có hạnh phúc, cái mà nó đưa đến là sự bệnh hoạn, như mắt mờ, tai điếc, răng rụng, tóc bạc, tay chân run rẩy v.v..

Nếu có ai hỏi: Cái gì đem bệnh hoạn đến cho ta? Tôi tin rằng: Quý ngài sẽ không ngần ngại đáp rằng: Già đem bệnh hoạn đến cho ta.

## **MARANA (CHẾT)**

Chết là gì?

Chết là sự bỏ xác thân này lại, và không đem những gì theo mặc dù là vật thương yêu nhất đời. Sau khi tâm thức xa rời khỏi thân này thì thân này từ từ thay đổi như sinh lên và hồi thối, đến cùng là tan rã ra còn lại một đồng xương trắng.

Người đã chết thì không còn hành động gì được, và không dùng vào đâu được với cái xác thân hôi thúi ấy. Đời người không khác nào cây đèn có đu dầu, tim, khi có lửa châm vào bắt cháy đến khi hết dầu thì lại tắt. Tuổi thọ con người ví như dầu trong đèn, ngày nào đó dầu phải cạn và tắt. Người sống đây thọ yếu không khác nào đèn có dầu nhiều ít vậy thôi, chớ nó có một điểm giống nhau là tắt. Khi người hết tuổi thọ không thể sống thêm được dầu một phút, cũng như đèn hết dầu không thể cháy thêm được một giây nào. Khi ngọn đèn tắt ta không tìm thấy ngọn lửa đã tắt cũng như ta không thể tìm được cái sống của người đã chết. Sự khổ của chết không thể dùng lời mà tả cho được vì mọi người chúng ta đều còn sống, phải chăng chỉ có người sắp chết và đã chết mới nhận thấy cái khổ ấy.

Khổ chết ta có thể kết luận vắn tắt là: Làm mất cả sự an lạc của đời người. Sự an lạc ấy là nhà cửa, của cải, thân quyến. Nhứt là mất cái xác thân này.

### ***Phận sự của Khổ Đế.***

Khổ diệu đế thứ nhất này đức Thế Tôn dạy phải biết rõ khổ một cách vi tế ví như vị bác sĩ hiểu rõ căn bệnh, nguyên nhân sanh bệnh và phương pháp trị tuyệt bệnh.

Phật ngôn:

DUKKHAM ARIYASACCAM PARIANNYYA. Nghĩa là khổ diệu đế người nên nhận thức rõ ràng.

## **DIỆU ĐẾ THỨ NHỊ**

Diệu đế thứ nhứt đức Phật dạy về khổ mà Ngài đã giác ngộ xin ví như đức Thế Tôn dạy: "hồ rất hung dữ hằng ăn thịt người", Ngài sợ chúng sanh không biết hình dáng hồ ra sao nên Ngài mới bắt về và nhốt trong chuồng cho chúng sanh xem cho biết hình dáng sức mạnh và tiếng gầm của nó. Ý nói rằng: Ngài dạy rất rõ về khổ đế chúng sanh dễ nhận thức và kinh sợ khổ thật chớ không phải sợ sơ sơ như chúng ta hằng ngày.

Diệu đế thứ nhì là Phương pháp diệt khổ, hay nói cho đúng là phương pháp chống lại hay giết hồ dữ. Vì vậy xin quý vị cố suy nghĩ bằng trí tuệ cho kỹ để hiểu rõ những gì mà Ngài đã dạy. Ngài dạy rằng Diệu đế là Tập đế này Ngài đã cố tâm tìm kiếm hằng hai mươi A-tăng-kỳ và trăm ngàn kiếp mới gặp dưới cội Bồ đề sau sáu năm khổ hạnh.



Điều đế này là Tập Diệu Đế.

Tập khổ Diệu đế nghĩa là nguyên nhân phát sanh ra khổ. Ý nói nó là nguyên nhân làm cho chúng sanh phải bị trầm luân trong biển khổ phải bị khổ đủ mọi phương diện.

Tóm sơ lược lời Phật trong bài Chuyển Pháp Luân: IDAM KHO PANA BHIKKHAVE DUKKHA-SAMUDAYO ARIYASACCAM YÀ YAMTANHÀ PONOBBHAVIKÀ v.v.. Nghĩa là: Này các thầy Tỳ khuru, đây là nhân sanh khổ thật sự là ái dục. Ái dục là nhân làm cho chúng sanh phải sanh vào cảnh giới mới, khi ấy lại phải lẫn lộn với sự ham muốn trong các đề mục (Sự việc bên ngoài) là:

- 1) Sự ưa muốn sanh trong cõi Dục.
- 2) Sự ưa thích sanh vào cõi Sắc.
- 3) Sự ưa thích sanh vào cõi Vô sắc.

Theo lời Phật dạy trên cho chúng ta thấy rõ có ba giai đoạn là:

- 1) Nguyên nhân sanh khổ là do nơi Ái dục.
- 2) Giải rõ cho thấy Ái dục là sự ưa thích sanh vào ba cõi là Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới.
- 3) Phân giải tỉ mỉ về Ái dục.

Tôi (Soạn giả) xin gom lại giải ba điều là:

- 1) Nguyên nhân sanh Khổ.
- 2) Sự hành động của Ái dục.
- 3) Và Ái dục.

### ***Nguyên nhân sanh KHỔ.***

Nói về khổ thì các vị giáo chủ khi xưa hay đồng thời với đức Phật giải thích một cách mù mờ. Nhưng có thể tóm lại là, các vị ấy dạy rằng: Phước tội do nơi một đấng thiêng liêng ban cho và trừng phạt. Vậy người muốn các ngài không trừng phạt và ban cho hạnh phúc thì phải thừa hành theo lễ lối của vị thiêng liêng tối cao ấy. Chung qui đều thuộc về Thần giáo nghĩa là dạy trong những sự tin tưởng Thần linh hộ trì giúp đỡ.

Sở dĩ mà đức Thế Tôn được người thời ấy bỏ đạo của họ theo Ngài là vì đức Thế Tôn giác ngộ được Chánh pháp là Nhân sanh Khổ và Ngài giải rõ Nhân sanh khổ, và Nhân diệt khổ. Không có một đấng thiêng liêng nào cho phước và hành tội chúng sanh, mà chính tự chúng sanh làm cho mình khổ. Hiện nay là thời kỳ nguyên tử rất có nhiều vật mà từ xưa chưa hề khám phá ra được mà các nhà Bác học khám phá ra được, nhưng những lời Phật dạy vẫn còn là phương pháp duy nhất bất dịch mà trái lại các nhà Bác học vẫn hành theo.

Nhân sanh khổ mà đức Thế Tôn dạy là pháp mới không đề cử và ngoài vị Chánh đấng Chánh giác không ai hiểu thấu nổi. Nên khi Ngài thuyết Tứ Diệu Đế gọi là Chuyển pháp luân, tôi xin nói là khi Ngài thuyết xong thời pháp ấy chính Ngài thay đổi tất cả vạn vật, nghĩa là Ngài lật rõ bộ mặt thật của vạn vật mà Ma vương cô che đậy từ vô lượng kiếp tới ngày ấy. Nên bài kinh ấy gọi là xoay bánh xe pháp (Chuyển Pháp Luân). Thuyết nhân sanh khổ là Ái dục là thuyết không ai cãi được làm cho người thời xưa chỉ thời nay ai ai cũng phải nhìn nhận và vâng giữ hành theo. Và cũng nhờ ấy mà Phật giáo truyền bá rất sâu rộng và rất nhanh.

Tứ Diệu Đế là bốn pháp thật là quý báu, mẫu nhiệm và chân chánh, là pháp chứng minh rằng: Phật giáo không phải là một tà thuyết, không phải là Nhứt thần giáo hay Đa thần

giáo mà là một đạo giải thoát thật sự là nhờ biết rõ khổ, nhân sanh khổ, và phương pháp diệt khổ và Niết bàn là nơi không còn khổ.

Nguyên nhân sanh khổ có rất nhiều nhưng đức Thế Tôn không dạy những cái khổ đến sau, hay những cái khổ không đầy đủ lý do để chứng minh rõ rệt, như nói khổ ấy do nơi một đấng thiêng liêng hành phạt. Trái lại Ngài dạy rằng: Khổ nào sanh lên cũng đều do nơi ta.

Đây tôi xin đem lại một ví dụ nhỏ để quý vị dễ chứng minh.

Anh A gây với vợ vì đi chơi bỏ phễ việc gia đình. Anh B bị mất sở vì làm việc không chu đáo.

Anh C bị tù vì tội trộm cắp. Trong ba anh này bị khổ khác nhau nhưng chung qui cũng vì Ái dục mà ra. Nếu những người ấy không làm quấy thì đâu bị tai nạn như trên.

Người đời khổ vì sự thương, muốn mà ra cả; vì vậy đức Giác Ngộ dạy khổ sanh ra vì Ái dục.

### ***Sự hành động của Ái dục***

Ái dục ngụ ý chỉ sự thương yêu, mong muốn, ấy là nền tảng của tâm người thế tục, ngoại trừ các bậc Thánh nhơn.

Vì Ái dục là sự thương yêu mến tiếc, nên trong chú giải có đề câu hỏi rằng: Ai cũng có ái dục xấu xa hết chăng? Đức Phật muốn thuyết pháp độ đời vì thương chúng sanh. Vậy đức Phật cũng còn ái dục chăng?

Khi quý vị bị hỏi như thế này, nên nhớ đến một đoạn trong bài kinh Chuyển Pháp Luân đức Phật có dạy. Ái dục có ba trạng thái cho ta thấy nó là phiền não để trả lời câu hỏi ấy.

### ***Ba trạng thái của Ái dục là:***

- 1) PONOBBHAVIKÀ. Nghĩa là tạo ra cảnh giới mới cho kiếp lai sinh cho mình.
- 2) NANDIRÀGASAHAGATÀ. Lẫn lộn với tham ái.
- 3) TATRATHÀBHINANDINÌ. Vui thích trong các đề mục của tham ái. Ba điều trên là trạng thái của Ái dục.

Đức Thế Tôn thuyết pháp độ đời vì lòng từ bi dạy chúng sanh bỏ ba trạng thái nói trên của ái dục để đi tới nơi yên lặng và hoàn toàn giải thoát. Nên chỉ sự hành động của Ngài không gọi là ái dục mà gọi là giải thoát.

Pháp của Ngài không khác nào chiếc thuyền có đầy đủ tiện nghi ở giữa bể trầm luân. Chúng sanh là người đang bị trầm luân trong bể khổ. Khi trông thấy chiếc thuyền như người được nghe được gặp Pháp bảo; khi biết rằng chiếc thuyền ấy có đủ tiện nghi và dành để cho ai người muốn vượt qua khỏi bể trầm luân thì cứ lên rồi lái vào bờ là nơi giải thoát.

Theo thí dụ trên thì sự muốn cho chúng sanh khỏi luân hồi không gọi là lòng ái dục được.

### ***Ba điều Ái dục là:***

- 1) KÀMATANHÀ. Ái dục trong cõi Dục.
- 2) BHAVATANHÀ. Ái dục trong cõi Sắc.
- 3) VIBHAVATANHÀ. Ái dục trong cõi Vô Sắc.

Ái dục trong cõi Dục nghĩa là người còn ưa thích ham muốn sanh vào cõi dục là cõi còn có ngũ trần là Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Và tài, tình, danh lợi.

Ái dục trong cõi Sắc ý nói người còn muốn sanh vào cõi có Sắc thân này nhưng không ham mê ngũ trần, không có tài, tình, danh lợi.

Ái dục cõi Vô Sắc ý nói hạng này không còn có Sắc nhưng thọ, tưởng hành, thức vẫn còn, và không ham mê gì cõi Dục hay Sắc. Nhưng lại còn ham muốn có cái Vô Sắc ấy, đây thật là phiền não rất là vi tế. Nếu không phải là vị Đại Giác thì không bao giờ tầm cho ra nguyên nhân để giải thoát khỏi luân hồi được.

Chung qui là khi còn ham muốn hay ưa thích một điều gì là còn phiền não, còn luân hồi.

Phận sự của Tập Diệu Đế là:

Đức Thế Tôn dạy phương pháp diệt bỏ nghĩa là phải càng ngày càng bớt Ái dục dần dần xuống cho đến mức độ chót là không còn một tí nào, có nghĩa là khô cạn. Sự dứt bỏ Ái dục Phạn ngữ gọi PAHÀNA nghĩa là Diệt trừ, cũng có khi gọi là PAHÀNAKICCA nghĩa là Phận sự phải diệt trừ.

Nếu nói về khổ để người cần biết rõ khổ là được. Nhưng nếu nói đến tập đế cần có sự hành nghĩa là làm thế nào dứt bỏ đư?c khổ.

Vấn đề quan trọng là: Phương pháp hành để dứt bỏ được bằng cách nào? Xin quý vị hãy coi Đạo Diệu Đế đó là phương pháp diệt trừ khổ.

Phật ngôn dạy:

DUKKHASSA MUDAYO ARIYASACCAM PAHÀTABBAM. Diệu đế là Tập đế cần phải diệt trừ.

### **DIỆT ĐẾ.**

Diệt đế là diệt tất KHỔ. Theo đây là Phật ngôn dạy trong bài kinh Chuyển Pháp Luân.

IDAM KHO PANA BHIKKHAVE DUKKHANIRODHO ARIYASACCAMYO  
TASSÀ YEVA TANHÀYA ASESAVIRÀGANIRODHO CÀGO PATI- NISSAGGO  
MUTTI ANÀLAYO .

Này các thầy Tỳ khuru đây là sự diệt tất khổ thật sự đó là diệt tất hẩn ái dục, dứt bỏ, không luyện tiếc, giải thoát, không mến thương.

Căn cứ theo Phật ngôn ta có thể nhận định rõ rệt là sự diệt trừ ái dục có nhiều tiếng tương tự nhau như dứt bỏ, không luyện tiếc v.v.. Để chứng minh rõ rệt là phải Dục tắt thật sự có ý nói những gì đã dục tắt xong rồi không còn tái phát nữa.

NIRODHA nghĩa là Diệt, ý nói rằng tất hẩn, nghĩa là hoàn toàn tất hẩn không có một nguyên nhân hay một cơ hội nào làm cho tái phát lại được, vì những bồi là ái dục làm cho cháy không còn có nữa. Đây chỉ rõ là Niết Bàn, vì vậy, thiết tưởng quý vị cần hiểu qua Niết bàn để dễ hiểu hơn.

Theo lời Phật dạy, có một phần vô hình ngự trong thân này để nhận định sự vật bên ngoài, phần vô hình ấy gọi là Tâm. Tâm này lại là vật hay vọng động và như đục vì phiền não ngự trị, mà cũng vì Tâm như đục ấy làm cho chúng ta phải trầm luân trong biển luân hồi để chịu khổ. Trong khi đang trầm luân chúng ta không lo diệt tắt những phiền não như là dầu trong cây đèn, trái lại chúng ta lại châm thêm dầu càng ngày càng nhiều hơn. Ý tôi muốn nói chúng ta không lo tu hành để diệt lần phiền não trái lại chúng ta lại tạo thêm nhiều nghiệp chướng mà cũng vì vậy càng ngày càng đi xa bờ giải thoát hơn.

Phật ngôn là phương pháp đục tắt lửa trên ngọn đèn, mà cũng là phương pháp đập bể bình đèn luôn. Ngọn lửa của cây đèn ấy là ái dục còn cái bình đèn ấy không khác nào Tam giới, khi người chỉ đục tắt ngọn lửa thôi không đập bể bình đèn thì có ngày nào đó đủ phương tiện nó lại cháy lại. Nên đã đục tắt xong còn phải diệt trừ tận không cho nó dư sót chút nào nữa.

Khi người thừa hành chín chắn theo lời Phật dạy là người ấy có thể đục tắt và đập bể được cây đèn tai hại ấy; khi lửa tắt đèn bể thì người ấy trong thấy Niết bàn hay đến Niết bàn vậy.

Chỗ hay tiếng gọi Niết bàn chủ ý chỉ một nơi rất là hoàn toàn trong sạch. Theo Phật dạy Niết bàn là một nơi thật hoàn toàn trong sạch của tâm.

Xin ví như các nhà bác học về nguyên tử phân chất ra đi từng giai đoạn từ thô thiển tới vi tế cho đến khi không còn phân chất ra được nữa đó là nguyên tử. Chẳng những chất này rất vi tế mà lại không có chất nào cấu tạo ra nó được.

Đức Phật có thể tạm ví như một nhà bác học không cần máy móc phòng thí nghiệm mà cũng chẳng cần phải tốn kém của tiền để phân chất này chất nọ, mà tự Ngài phân chất được một vật mà đến nay các nhà bác học trừ danh cũng chưa phân chất được vật ấy là Tâm. Đức Phật tìm thấy rằng: Tâm ta bị cấu tạo do nhiều chất như Ái dục, Tham ái, Tam độc v.v.. Sau khi Ngài phân chất ra được từng phần, Ngài đã bỏ cả những phiền não đến một độ không còn có một tí phiền não nào trong Tâm, và không còn có gì cấu tạo Tâm được nữa, vì Tâm ấy không còn như bản. Vì Tâm như bản nên còn bị luân hồi. Tâm còn luân hồi Phạn ngữ gọi là ASANKHÁTADHĀTU nghĩa là chất cấu tạo ấy gọi là ASANKHÁTADHĀTU nghĩa là không còn bị các vật khác cấu tạo cho luân hồi.

ASANKHÁTADHĀTU là chất không bị các pháp khác cấu tạo cho luân hồi, là chất không còn phân tách ra được nữa, chất ấy ra ngoài phạm vi của sự hiểu biết của con người, người không còn dùng tiếng gì để nói được cái chất ấy. ASANKHÁTADHĀTU nghĩa là không còn bị các vật khác cấu tạo cho luân hồi.

ASANKHÁTADHĀTU là chất không bị các pháp khác cấu tạo cho luân hồi, là chất không còn phân tách ra được nữa, chất ấy ra ngoài phạm vi của sự hiểu biết của con người, người không còn dùng tiếng gì để nói được cái chất ấy.

ASANKHÁTADHĀTU là chất mà người không thể dùng lời diễn tả được hình thức sự hành động v.v.. Nó thuộc về vật cần thấy bằng trí tuệ vì vậy nên chỉ có các bậc Thánh nhân mới nhận thức được vì Ngài tự đắc được do nơi trí tuệ của Ngài.

Người nằm mơ mới thấy cảnh mình thấy thôi, người ngoài ra không thể thấy được, cũng như người đã đắc được Thánh pháp tự mình thấy chứ không thể làm cho người khác và biết được những gì mà mình đã thấy. Vậy xin ví dụ thêm như người bị bệnh nặng, sau khi hết bệnh thì chính người ấy biết trong mình của họ dễ chịu như thế nào chúng ta thì không hiểu biết gì được về cái an vui của sự hết bệnh của người ấy. Người bệnh ấy ví như chúng ta cái bệnh hành hạ ta ví như phiền não. Khi ta biết bệnh phải

uống thuốc ấy chính là Pháp bảo, khi uống thuốc ấy là lúc đang hành đạo. Khi hành đến nơi cùng tốt thì sẽ đắc đạo quả. Khi ta đắc đến bậc nào thì ta biết ta đắc đến bậc ấy, như người bệnh biết khi uống thuốc thấy trong mình bớt từ từ, sự dễ chịu từ từ đến với người ấy cho đến khi mạnh hẳn. Khi mạnh người bệnh biết rằng ta mạnh; cũng như người hết phiền não tâm trong sạch thì tự biết là an vui và hạnh phúc như thế nào trong tâm của họ.

Trong bộ UDĀNA đoạn PATALIGĀMIVAGGA có dạy rằng: Niết bàn không phải là đất, nước, gió, lửa v.v.. Không phải cõi này, cũng không phải cõi khác, không phải trên mặt nhựt hay mặt nguyệt. Đây các Tỳ khuru, mà vật ấy (Niết bàn) lại là vật có thật sự.

Nói về Niết bàn thiết tưởng cũng nên nói đến hai điều đặc biệt khác nhau là:

- I) Nói về đặc ân của Niết bàn.
- II) Trạng thái của Niết bàn.

Đặc ân của Niết bàn là:

- 1/ MADANIMMADANO. Không còn say đắm (trần cảnh).
- 2/ PIPASAVINAYO. Không còn khao khát (tất cả mọi việc).
- 3/ ALAYASAMUGGHATO. Không còn lưu luyến (Tam giới).
- 4/ VATTUPACHETO. Cắt đứt hết những gì còn luân hồi.
- 5/ TANHAKKHAYO. Khô hết ái dục.
- 6/ VIRAGO. Không còn tham ái.
- 7/ NIRODHO. Diệt, hay diệt tất (hẳn mọi việc).
- 8/ NIBBANAM. Diệt tất hay gọi là Niết bàn.

Trạng thái của Niết bàn là:

**KHÔNG CÒN BỊ PHÁP HÀNH CẤU TẠO.**

Niết bàn còn có tên khác nữa theo lời Phật dạy là: NIBBANAM PARAMAN SUKHAM. Niết bàn thật trống không, nghĩa là không còn có một nhơ bợn nào của phiền não. NIBBANAM PARAMAN SUKKHAM. Niết bàn là nơi an vui tuyệt đối.

Theo Phật dạy người sanh ra là mang theo một phận sự rất nặng nề là khổ vì vậy trong bài kinh Bhāra có dạy: Ngũ uẩn thật là nặng chúng sanh là người hăng mang đi trong luân hồi dài vô tận, xa vô biên. Khi nhận thấy ngũ uẩn là khổ và biết phương pháp để ngũ uẩn ấy xuống được rồi thật là an vui, không còn nặng nề khổ sở đó là Niết bàn.

Theo câu Phật dạy trên để cho chúng ta thấy rằng: Khi sanh ra làm người hay con vật là chúng ta mang theo một vật nặng nề vô hạng là khổ, khi có thân này thì bận rộn không ngừng nghỉ theo dính bên ta. Hiện nay người thường hay tìm sự vắng lặng để nghỉ ngơi như mỗi năm đi nghỉ mát nơi nào, cốt ý là để cho tâm nghỉ lo âu, bớt làm việc, để cho tâm hồn lắng xuống, hay ta có thể nói là người nhận thấy mang lấy thân này phải khổ muốn tạm để xuống nghỉ trong ít ngày. Tuy nhiên làm thế nhưng người cũng không được hoàn toàn nghỉ hoặc để tạm ngũ uẩn này xuống được. Có lắm người cả đời cũng không có dịp may để tạm để phận sự ấy nghỉ ít ngày. Quý vị nghĩ coi ta chỉ tạm để xuống nghỉ tạm thời trong ít ngày mà còn an vui thay phương chi ta lại để h?n cái ngũ uẩn này xuống thì an vui tới chừng nào.

Tôi ví dụ này để quý vị nhận thấy cái an vui của Niết bàn như thế nào. Chắc quý vị đã nhận định thấy rõ cái khổ của sự mang lấy thân này và cái để cái thân nặng nề này xuống.

Đến đây xin nhắc lại quý vị rằng: Niết bàn không phải là một đô thị có đầy đủ vui tươi sung sướng, hay đủ tiện nghi cho quý vị vui chơi. Nhưng trái lại Niết bàn là nơi dứt tất hết những gì mà quý vị thấy của người có và của quý vị đang có.

Diệt khổ đế là một của riêng của Phật giáo. Ý tôi muốn nói rằng: Chỉ có đức Chánh đấng Chánh giác mới tìm thấy Diệt Khổ đế.

Chắc quý vị muốn hỏi: Vậy các tôn giáo khác không có một tôn giáo nào có phương pháp diệt khổ hay sao?

Đáp: Tổng chi của các tôn giáo trong vũ trụ này chung qui là diệt khổ, nhưng có phương pháp khác nhau. Chỉ có Phật giáo có một phương pháp hoàn toàn hơn hết mà từ ngàn xưa đến hiện tại và đến vị lai ngoài ra vị Chánh đấng Chánh giác như Ngài thì không ai tìm ra và hiểu rõ phương pháp diệt khổ hoàn toàn như Ngài là Tứ Diệt Đế.

Để minh chứng cách diệt khổ của Phật giáo và các tôn giáo khác, tôi xin so sánh cho quý vị nhận thức dễ dàng.

	<b>PHẬT GIÁO</b>	<b>TÔN GIÁO KHÁC</b>
<b>NHÂN SANH KHỔ</b>	Khổ sanh do ái dục nghĩa là sự ưa muốn Ngũ trần Lục dục. Sự ưa muốn sanh lại có sắc thân (Sắc giới). Sự ưa muốn sanh lại nhưng không muốn có sắc thân.	Khổ sanh đến chúng sanh vì do nơi sự trừng phạt của đấng thiêng liêng tối cao vì người làm tội ác.
<b>PHƯƠNG PHÁP GIẢI THOÁT KHỔ</b>	Phật dạy: Diệt tận phiền não là Ái dục thì sẽ không còn khổ.	Dạy phải cầu đấng thiêng liêng có uy quyền tối cao tha lỗi hay hành phạt; hoặc ban bố an vui hạnh phúc.
<b>TRẠNG THÁI CỦA SỰ GIẢI THOÁT THẬT SỰ</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1) Không có sự ưa thích gì trong tâm đầu rất vi tế.</li><li>2) Dứt bỏ các sự cố chấp.</li><li>3) Không luyến ái trong các cảnh giới.</li><li>4) Thoát khỏi sự vui của tam giới.</li><li>5) Không cần ai đến giải thoát cho mình, mà tự mình giải thoát.</li></ol>	<ol style="list-style-type: none"><li>1) Muốn được đấng thiêng liêng cứu khổ.</li><li>2) Có tin có đấng thiêng liêng tối cao của mình.</li><li>3) Xin sanh vào cõi Thiên đàng.</li><li>4) Còn muốn được hưởng sự an vui của cõi Thiên đàng.</li><li>5) Cần có đấng thiêng liêng đến tiếp độ cho linh hồn được ở bên Ngài mãi.</li></ol>

## ***Phận sự của Diệt khổ đế.***

Phận sự của Diệt khổ đế Phạn ngữ gọi là SACCHIKARANA nghĩa là phải làm cho phân minh rõ rệt; ý nói tự mình hành động cho đến nơi giải thoát, tự mình dục tắt hết dục vọng ở lòng mình và tự mình biết rõ rằng mình đã giải thoát.

## **PHẬT NGÔN**

DUKKHANIRODHO ARIYASACCAMSACCA-CHIKÀTABBAM. Diệt đế gọi là Diệt khổ diệu đế người cần phải hành cho phân minh, nhận định thấy rõ rệt bằng tuệ.

## **ĐẠO DIỆU ĐẾ**

Đạo diệu đế có nghĩa là hành đến nơi Diệt khổ. Đây là tiếng thường dùng trong Phật giáo nhưng nếu dùng tiếng thông thường cho dễ nghe dễ hiểu hơn có những tiếng thay thế là:

- 1) MAJHIMAPATIPADA - Trung đạo.
- 2) ATTHAGI KAMAGGA - Bát chánh đạo.
- 3) ARIYAMAGGA - Thánh đạo.

Trước khi giải rõ xin quý vị học qua câu Phật dạy. IDAM KHO PANA BHIKKHAVE DUKKHANIRODHAGAMINÌ PATIPADA ARIYASACCAM AYAMEVA ARIYO ATTHANGIKOMAGGO SEYYATHÌDAM - Này các thầy Tỳ khuru, đây là sự hành để diệt tắt khổ thật sự là đạo có tám chi. Tám chi ấy là gì? Tám chi ấy là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Theo lời Phật dạy trên thì chúng ta nhận thấy rằng: Diệu đế thứ tư là sự hành đúng theo con đường đi đến nơi, giải thoát có đầy đủ tám chi.

Diệu Đế thứ tư này Phật dạy hành theo chánh đạo có tám chi. Tôi (soạn giả) xin rút bài kinh khác giải rõ Bát chánh đạo lại trình bày nơi đây hầu quý vị, vì trong bài Chuyển Pháp Luân chỉ đếm đủ tám chi thôi.

Đây là Phật ngôn trong bài kinh MAGGAVIBHANGA dạy rằng:

SAMMÀDITTHI (Chánh Kiến):

KATTAMÀ CA BHIKKHAVE SAMMÀDITTHI YAM KHO BHIKKHAVE DUKKHENÀNAM.

Này các thầy Tỳ khuru; Chánh kiến là gì? Chánh kiến là: 1) Sự biết rõ khổ. 2) Sự biết rõ nhân sanh khổ. 3) Sự biết rõ sự dục tắt tận khổ. 4) Sự biết phương pháp hành cho đến nơi dục tắt khổ. Này các thầy Tỳ khuru; sự hiểu biết như thế gọi là Chánh kiến.

SAMÀSANKAPPA (Chánh tư duy):

KATAMÀ CA BHIKKHAVE SAMÀSAN-KAPPO YÀKHO BHIKKHAVE NEKKAMMA-SANKAPPO. ABHYÀPÀDASANKAPPO

AVI- HIMSÀSANKAPPO AYAM VUCCATI BHIK-KHAVE  
SAMMÀSAIKAPPO.

Này các thầy Tỳ khuru, Chánh tư duy là thế nào? Chánh tư duy là: 1) Sự suy nghĩ thoát trần (xuất gia). 2) Sự suy nghĩ không cột oan trái. 3) Sự suy nghĩ không làm hại người. Này các thầy Tỳ khuru, hành như thế này gọi là Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh).

SAMMÀVACA (Chánh ngữ):

KATAMÀ CA BHIKKHAVE SAMMAVACA YA KHO BHIKKHAVE  
MUSAVADA VERAMANÌ PISUNAVACA VERAMANÌ PHARUSAYA  
VACAYA VERAMANÌ. SAMPHAPPALAPA VERA-MANÌ AYAM  
VUCCATI BHIKKHAVE SAMAVACA.

Này các thầy Tỳ khuru, Chánh ngữ là thế nào? Chánh ngữ là: 1) Tác ý lánh xa sự nói dối. 2) Tác ý lánh xa sự nói lời đâm thọc. 3) Tác ý lánh xa sự nói lời đê tiện. 4) Tác ý lánh xa sự nói lời vô ích. Này các thầy Tỳ khuru, sự nói như thế gọi là Chánh ngữ (Lời nói chân chánh).

SAMMAKAMMANTÀ (Chánh nghiệp):

KATAMÀ CA BHIKKHAVE v.v..

Này các thầy Tỳ khuru, Chánh nghiệp là thế nào? Chánh nghiệp là: 1) Tác ý lánh xa sự sát sanh. 2) Tác ý lánh xa sự trộm cắp. 3) Tác ý tránh xa sự nói dâm. Này các thầy Tỳ khuru hành như thế này gọi là Chánh nghiệp (Sự làm chân chánh).

SAMÀ AJIVO (Chánh mạng):

KATAMÀ CA BHIKKHAVE v.v..

Này các thầy Tỳ khuru Chánh mạng là thế nào? Chánh mạng là các Tỳ khuru bậc đệ tử thuộc hàng Thánh nhân trong Phật giáo. 1) Nuôi mạng chân chánh. 2) Không nuôi mạng sai với đạo lý. 3) Nuôi mạng theo lẽ phải. Này các thầy Tỳ khuru, nuôi mạng như thế gọi là Chánh mạng.

Riêng về người tại gia cư sĩ nuôi mạng chân chánh là không lường gạt lấy kẻ khác, giết thú ăn, biết là của bất nghĩa không nên lấy về dùng mặc dầu của ấy là của rơi rớt vô chủ.

SAMMÀVÀYÀMA (Chánh tinh tấn):

KATTAMÀ CA BHIKKHAVE v.v..

Này các thầy Tỳ khuru, thế nào gọi là Chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn là các thầy Tỳ khuru trong Phật giáo.

1) Vun trồng sự thỏa thích trong sự tinh tấn không để cho tội lỗi phát sanh lên, không để cho tội lỗi chưa phát sanh lên lại sanh lên trong tâm, cố gắng hết sức để giữ tâm cho vững chắc.

2) Vun trồng sự thỏa thích tinh tấn diệt trừ ác pháp đã sanh trong tâm rồi cho tiêu diệt và giữ tâm cho trong sạch.



3) Vun trồng sự thỏa thích tinh tấn làm thiện pháp chưa sanh trong tâm làm cho phát sanh và giữ tâm cho vững chắc trong thiện pháp.

4) Vun trồng sự thỏa thích tinh tấn làm cho các thiện pháp đã có trong tâm cho hằng này nở tiến hóa thêm lên mãi mãi và làm cho tâm càng vững chắc trong thiện pháp.

SAMMĀSATI (Chánh niệm):

KATTAMĀ CA BHKKIHAVE v.v..

Này các thầy Tỳ khuru, thế nào gọi là Chánh niệm? Chánh niệm là các thầy Tỳ khuru trong Phật giáo hằng suy nghĩ thấy thân trong thân, có sự tinh tấn thiêu đốt phiền não, tự mình biết lấy mình có sự nhớ được mọi việc làm và sự hành động của mình trong mọi sát na, diệt sự ưa muốn và ghét bỏ. Nhận thấy thọ trong thọ v.v.. trong thấy tâm trong tâm v.v.. Suy nghĩ thấy pháp trong pháp v.v..

SAMMĀSAMĀDHI (Chánh định):

KATTAMĀ CA BHIKKHAVE v.v..

Này các thầy Tỳ khuru, thế nào gọi là Chánh định? Chánh định là thầy Tỳ khuru trong Phật giáo.

- 1). Tâm vắng lặng những sự việc bên ngoài.
- 2). Vắng lặng dục tình.
- 3). Vắng lặng các Ác pháp, nhập Sơ thiền có Tầm, Sát, Hi lạc, An và Định.

Vì Diệt được Tầm và Sát nên nhập Nhị thiền là nhân làm cho tâm càng thêm trong sạch xa lánh trần nhiều hơn, Đây là nhân làm cho tâm càng trong sạch, làm cho định càng vững mạnh thêm trong sạch hơn nhiều. Hi lạc, An được thêm sự trong sạch vì oai lực của định.

Hơn ấy nữa, vì không cần Hi lạc bởi tâm đã bình tịnh có đủ trí nhớ và biết mình (chỉnh tâm) và tâm đang hưởng sự An lạc do nơi oai lực của tâm xả. Trí nhớ và biết mình là nhân mà các bậc Thánh thần hằng ngợi khen, người có tâm xả là người có trí nhớ điều chỉnh tâm và hưởng an vui nên gọi là Tam thiền.

Khi đã diệt được khổ và lạc, nhưng sự vui buồn đã có từ xưa đều bị dục tất được do nơi Tứ thiền. Không còn vui mà cũng không có khổ chỉ còn có trí nhớ ở trong xả.

Này các thầy Tỳ khuru sự để tâm như thế gọi là Chánh định.

Trên đây tôi dịch sát nghĩa theo Phật ngôn chắc quý vị đã hiểu rõ rồi xin khỏi giải thêm.

### **Luận giải TRUNG ĐẠO**

Phàm đã là đệ tử Phật thì không ai không hiểu Trung đạo vì Trung đạo là con đường đi tới nơi giải thoát của chư Phật, người muốn giải thoát ngoài trừ ra đường Trung đạo thì không còn con đường nào khác hơn. Vì chỉ có một đường duy nhất đi đến Niết bàn thôi.

Tại sao gọi là Trung đạo?

Tương nên nhắc lại rằng: Trước khi có Phật giáo tại Trung Ấn Độ hay gọi là cõi Diêm Phù Đề có rất nhiều tôn giáo khác nhau, phần nhiều các giáo phái ấy đều dạy người hạnh khổ hạnh. Vì người thời ấy tin rằng: Hạnh khổ hạnh một là làm cho các đấng thần linh hay đấng thiêng liêng cảm động ban ơn huệ, hai là khi hành khổ hạnh như thế mới diệt được phiền não trong tâm.

Theo lời đức Phật dạy gọi hạnh ấy là thái quá có chia ra hai điều thái quá là:

1) KAMASUKHALLIKANUYOGA. Nghĩa là người hành đạo nhưng còn lẫn với sự an lạc trong ngũ trần lục dục, gọi là hành đạo quá dưng.

2) ATTAKILAMATHÀNUYOGA. Hành làm cho thân này quá khổ cực gọi là thái quá hay cũng gọi khổ hạnh.

Hai phương pháp kể trên, khi chưa thành đạo, đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta phải bỏ ra sáu năm để hành. Nhưng không đem lại được một kết quả nào xứng đáng theo ý muốn của Ngài. Nên Ngài lại hành theo Trung đạo.

Sau khi thành đạo bài pháp đầu tiên là Chuyển Pháp Luân, Ngài dạy rằng: DVEME BHIKKHAVE ANTÀPABBAJITENA NA SEVITABBÀ - Này các thầy Tỳ khuru, hai pháp thái quá mà các bậc xuất gia không nên xu hướng theo, không nên hành theo.

Hai pháp Thái quá ấy là gì?

Một là pháp làm cho tâm quuyến luyện theo tinh dục pháp hèn hạ, pháp của kẻ thấp gian, pháp của phạm nhân chẳng lợi ích chi.

Hai là pháp khổ hạnh làm cho thân hình tiêu tụy cực khổ chẳng phải là pháp của bậc cao hơn; cũng chẳng có lợi ích chi.

Này các thầy Tỳ khuru, sự tu hành theo Trung đạo không nên thiên theo hai điều thái quá ấy.

Bát Chánh Đạo có thể tóm lại là:

### TAM HỌC

1) Chánh kiến; 2) Chánh tư duy: thuộc về TUỆ

3) Chánh ngữ; 4) Chánh nghiệp; 5) Chánh mạng: thuộc về GIỚI

6) Chánh tinh tấn; 7) Chánh niệm; 8) Chánh định: thuộc về ĐỊNH

### *Phận sự của Tứ Diệu Đế.*

Phận sự của Tứ Diệu Đế là sự cố gắng hành đúng theo Bát Chánh Đạo. Người hành phải hành một lúc đúng theo tám chi của đạo và cũng phải trong sạch bằng nhau trong một lúc, không thể thiếu sót một chi nào trong một của tám điều ấy. Nghĩa là không dư không thiếu.

Tôi xin ví dụ, như trong một thang thuốc có tám vị, phải dùng đúng theo phân lượng và khi sắc thuốc cũng phải còn là bao nhiêu không thể nhiều hơn hay ít hơn được. Đây cũng như sự hành đạo phải hành đúng theo Bát chánh đạo có tám chi không thể thiếu sót mặc dầu một chi của một điều nào trong Bát chánh đạo.

Đây là Phật ngôn dạy.

DUKKHANIRODHAGÀMINÌ PATIPADÀ ARIYASACCAM BHÀVETABBAM. -  
Điều để là Đạo để nghĩa là sự hành theo đạo cho đến diệt tận phiền não và khổ, hành  
giả nên hành theo.

Có nhiều người hỏi tôi (Soạn giả): Thời kỳ này còn có Đạo quả chăng? Có người đắc  
Đạo quả và đến Niết bàn không? Và ta làm cách nào mới đắc được Niết bàn?

Đáp: Phật dạy phương pháp hành để đắc Niết bàn là Bát chánh đạo. Nếu Bát chánh đạo  
còn là Đạo quả vẫn còn. Còn nếu người còn hành đúng theo Bát chánh đạo là còn có  
người đắc được Đạo quả và Niết bàn. Nếu người ai ai muốn giải thoát đến Niết bàn thì  
cứ hành đúng theo Bát chánh đạo. Vì đó là con đường đi ngay đúng vào Niết bàn.

Sở dĩ mà thời pháp đầu tiên thuyết tại vườn Lộc Giả được tên là Chuyển Pháp Luân có  
nghĩa là xoay bánh xe pháp. Ý nói thời pháp ấy dạy Ba luân và mười hai Thế của Tứ  
Diệu Đế. Khi người nhận định thấy rõ Ba luân và mười hai Thế ấy rõ rệt thì người ấy là  
người giải thoát khỏi luân hồi.

Ba luân và mười hai Thế ấy là gì?

Như quý vị đã biết Tứ Diệu Đế là bốn điều Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Hành giả phải hiểu rõ  
mỗi Đế có ba diệu gọi là Ba luân nhân cho bốn Đế là ra mười hai Thế (Ba luân x bốn  
Đế = mười hai Thế).

Câu chốt của bài kinh Chuyển Pháp Luân đức Thế Tôn dạy: Khi mà Ngài chưa tìm thấy  
rõ Ba luân và mười hai Thế trong Tứ Diệu Đế là chưa đắc quả Vô thượng Chánh đẳng  
Chánh Giác. Sau khi Ngài đắc được ba Luân mười hai Thế nên Ngài mới đắc được quả  
Cao thượng ấy.

Ba luân ấy là:

- 1) Tuệ thấy rõ khổ.
- 2) Tuệ suy nghĩ thấy và hiểu rõ khổ.
- 3) Tuệ thấy và biết rõ là hoàn toàn giải thoát khỏi Khổ, Tập, Diệt và Đạo  
đều có ba Luân như thế nên gọi là mười hai Thế.

Sau khi thuyết dứt thời pháp đức Thế Tôn biết rằng: Trong năm vị có một vị già nhưt  
đắc Tu-đà-hườn quả. Nên ngài mới dạy rằng: ANNASI VATA BHO KONDANNO.  
Nghĩa là Kondanna (Kiều Trần Như) đã thấy rõ thánh pháp rồi. Vì vậy từ ấy Ngài Kiều  
Trần Như có tên là A Nhã Kiều Trần Như.

Xin nói thêm về ATTHA (ý nghĩa) của Tứ đế.

Khổ đế có bốn ATTHA (ý nghĩa).

- 1) PĪLANATTHO. Có nghĩa là làm hại.
- 2) SANKHATATTHO. Có nghĩa là hội họp các nguyên nhân.
- 3) SANTĀPATTHO. Có nghĩa là làm cho nóng nảy.
- 4) VIPARINĀMATTHO. Có nghĩa là thay đổi.

Tập đế có bốn Attha (ý nghĩa).

- 1) ĀYUHANATTHO. Có nghĩa là làm cho khổ phát sanh.
- 2) NIDĀNATTHO. Có nghĩa là nhân làm cho khổ sanh.

- 3) SÀYOGATTHO. Có nghĩa là hội họp tất cả các điều khổ.
- 4) PALIBOLATTHO. Có nghĩa là làm cho bận lòng vì khổ.

Diệt đế có bốn Attha (ý nghĩa).

- 1) NISSARANATTHO. Có nghĩa là đem mình ra khỏi luân hồi.
- 2) APALIBODDHATTHO. Có nghĩa là không còn bận rộn vì khổ.
- 3) ALANKATATTHO. Có nghĩa là nguyên nhân cấu tạo không thể hội họp lại để cấu tạo được.
- 4) AMATATTHO. Có nghĩa là bất tự.

Đạo đế có bốn Attha (ý nghĩa).

- 1) NIYYÀNATTHO. Có nghĩa là đi khỏi vòng luân hồi.
- 2) HETAVATTHO. Có nghĩa là nhân diệt khổ.
- 3) DASSANATTHO. Có nghĩa là thấy rõ Niết bàn.
- 4) ADHIPATAYATTHO. Có nghĩa là chủ nhân. (Ý nói không còn dưới quyền của phiền não).

Sau khi đắc được Tu-đà-hườn quả, Ngài Kiều Trần Như không còn hoài nghi Phật bảo với Pháp bảo nên bạch với Phật rằng: Bạch hóa đức Thế Tôn, đệ tử xin xuất gia với đức Đại Giác.

Đức Thế Tôn dạy: EHI BHIKKHU ! Thầy hãy trở nên vị Tỳ khuru hành theo Thánh đạo và phạm hạnh đúng theo luật của Như Lai đã dạy hầu diệt tận phiền não.

Khi dạy dứt lời thì râu tóc của Ngài Kiều Trần Như đều rụng trên mình có đắp bộ cà sa vàng. Sau ấy bốn vị kia mới xin xuất gia.

Ngày mười sáu Âm lịch, Ngài thuyết pháp độ vị thứ nhì đắc Tu-đà-hườn quả vị ấy là Đại Đức Vappa. Còn bốn vị kia mới đi khát thực.

Ngày mười bảy Âm lịch, đức Phật thuyết pháp độ được Đại Đức Bhaddiya đắc Tu-đà-hườn quả.

Ngày mười tám Âm lịch, đức Phật thuyết pháp độ được Đại Đức Mahànàma đắc Tu-đà-hườn quả.

Ngày mười chín Âm lịch, đức Phật thuyết pháp độ được Đại Đức Assaji đắc Tu-đà-hườn quả.

Đến ngày ba mươi Âm lịch, đức Phật hội năm vị lại và thuyết bài Anattalakkha Sutta, Vô Ngã Tướng Kinh. (Quý vị muốn xem nguyên văn xin xem quyển Kinh Tụng của Đại Đức Hộ Tông đã xuất bản). Nơi đây tôi xin lược thuật đề quý vị dễ hiểu thôi.

Đức Thế Tôn dạy: RUPAM BHIKKHA VE ANATTÀ. Này các thầy Tỳ khuru, thân này không phải của ta, vì vậy hằng bị các bệnh hoạn. Không thể ngăn cản rằng: Thân ta nên trẻ đẹp và trang điểm rất đẹp ví như cây cột bằng vàng chạm trổ rất tinh vi, trông coi rất đẹp mắt. Mặc dầu lo trang điểm cho đẹp như thế, nhưng nó vẫn thay đổi vì bệnh hoạn tàn phá, không thể tồn tại như lời ta bảo. Ngoài ra Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng chẳng phải của ta. Những pháp ấy cũng không chịu dưới quyền sai bảo và cầm đoán của ta.

Rồi Ngài vẫn chư Tăng rằng:

- Này các thầy Tỳ khuru, các thầy nghĩ sao?

Chư Tăng đáp:

- Bạch Ngài, thật sắc này vô thường.
- Nếu sắc này vô thường vậy khổ hay vui?
- Bạch Ngài, là khổ.
- Nếu sắc thân này khổ, vậy các thầy suy tưởng thấy có phải của ta hay không?
- Bạch Ngài, thật sắc thân này không phải ta, mà cũng không phải là của ta.

Rồi đức Thế Tôn hỏi Thọ, Tướng, Hành, Thức như trên và chư Tăng cũng trả lời như trên.

Đức Thế Tôn mới dạy ngũ uẩn ở quá khứ cũng như ở hiện tại và vị lai mặc dầu là của ta hay của người, đẹp hay xấu, thô hay vi tế, nếu có là ngũ uẩn hay có sắc thì hằng ở dưới ba tướng là Vô thường, Khổ não và Vô ngã. Các thầy nên lấy đó mà quán tưởng cho thấy rõ rệt là Vô thường, Khổ não và Vô ngã. Do nhờ sự quán tưởng như thế nên chư Thánh Văn đệ tử Phật chán nản với Ngũ uẩn; không ưa mến Ngũ uẩn nên được giải thoát, nghĩa là đắc được A-la-hán quả tuệ; thì tức nhiên tự mình thấy rằng: Ta đã diệt trừ tận phiền não, phạm hạnh của Phật giáo ta đã hành xong.

Sau khi thuyết dứt bài Vô Ngã Tướng Kinh. Cả năm vị đều giải thoát nghĩa là đắc được quả A-la-hán.

Trong ngày ấy 30 tháng 6 Âm lịch trong tam giới có được sáu vị Thánh nhơn. Một đức Chánh đẳng Chánh giác và năm vị A-la-hán.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Trang kế](#)

---

*Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)*

---

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*update: 25-04-2001*